

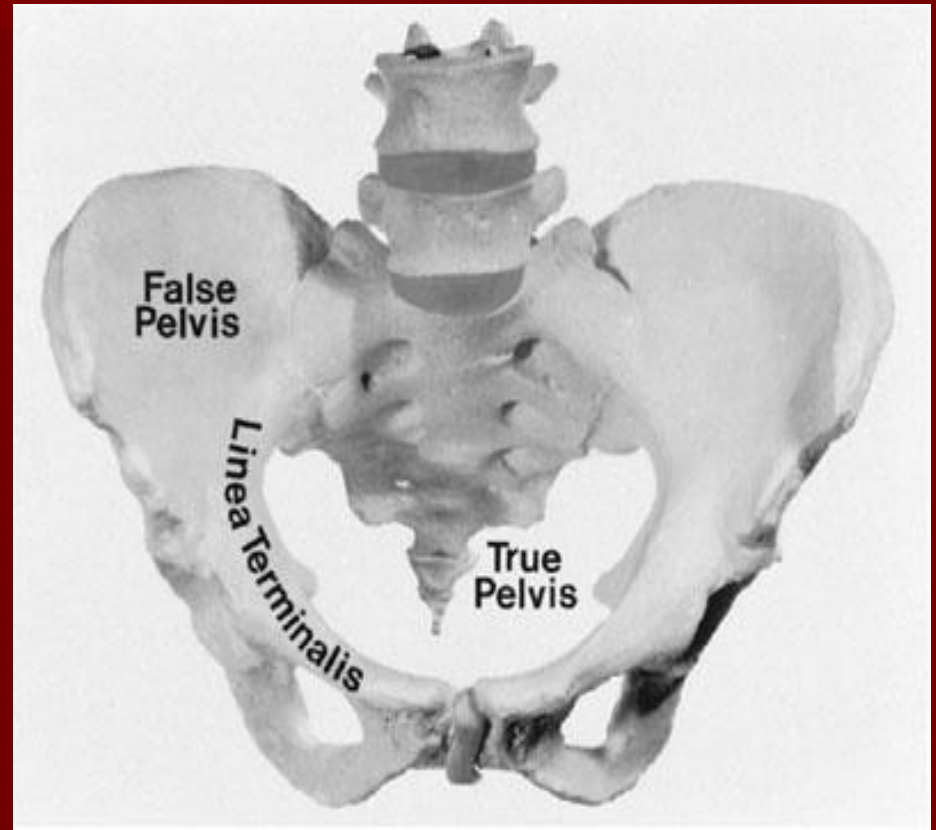
**KHUNG CHẬU**

# Mục tiêu

- **Nắm được cấu tạo x. chậu.**
- **Nắm được các đường kính của đại khung.**
- **Nắm được các đường kính của tiểu khung.**
- **Nắm được các dạng khung chậu.**
- **Biết cách xác định các đường kính khung chậu trên lâm sàng.**

# Cấu tạo

- X. Cụt, x. cụt, và 2 x. chậu
- Mỗi x. chậu là do sự hợp nhất của các xương: x. chậu, x. háng và x. mu.
- Được chia làm 2 phần: đại khung và tiểu khung.

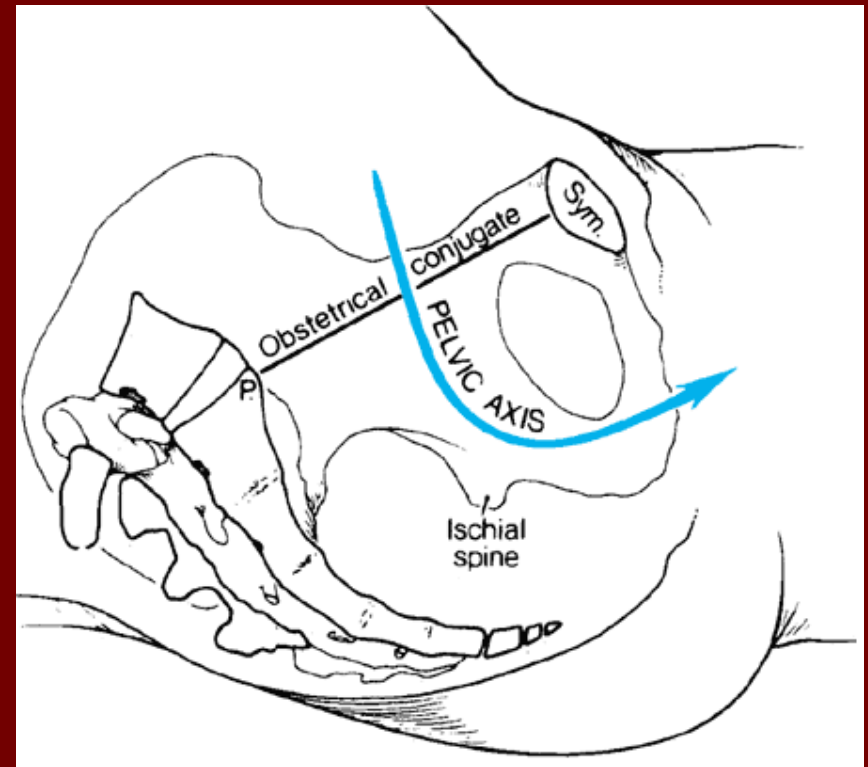


# Đại khung

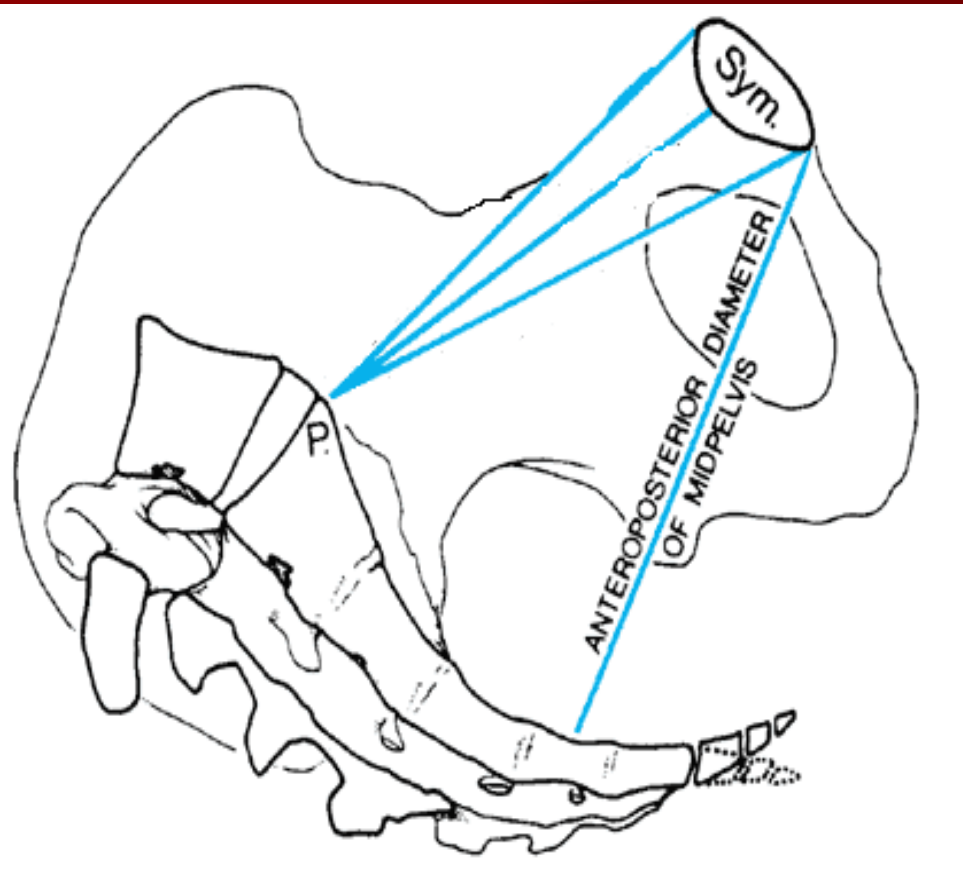
- Đường kính trước sau ( đường kính Baudelocque): bờ trên x. mu – mẫu gai L5: 17,5cm.
- Đường kính lưỡng gai: khoảng cách 2 gai chậu trước trên: 22,5cm.
- Đường kính lưỡng mào: khoảng cách xa nhất của 2 mào chậu: 22,5cm.
- Đường kính lưỡng mẫu: khoảng cách 2 mẫu chuyển x. đùi: 27,5cm.
- Hình trám Michaelis nổi 4 điểm:  
Trên: mẫu gai đốt sống thắt lưng L5.  
Hai bên là 2 gai chậu sau trên.  
Dưới là đỉnh rãnh liên mông  
Bình thường hình trám Michaelis cân đối với : đường kính ngang 10cm, đường kính dọc 11cm ; đường kính ngang chia đường kính dọc ra làm 2 phần : phần trên 4cm và phần dưới 7cm.

# Tiểu khung

- Tiểu khung như 1 ống hình trụ cụt cong nghiêng với phần lớn nhất ở sau trên. Phần trên hướng xuống dưới và ra sau, phần dưới hướng xuống dưới và ra trước. Thành trước của tiểu khung là khớp mu dài 5cm, thành sau dài 10cm.

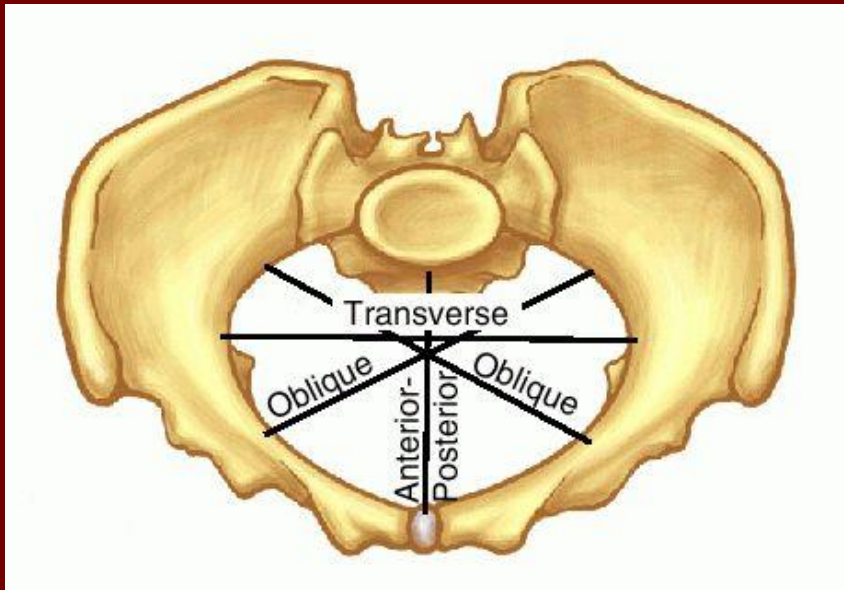


# Eo trên



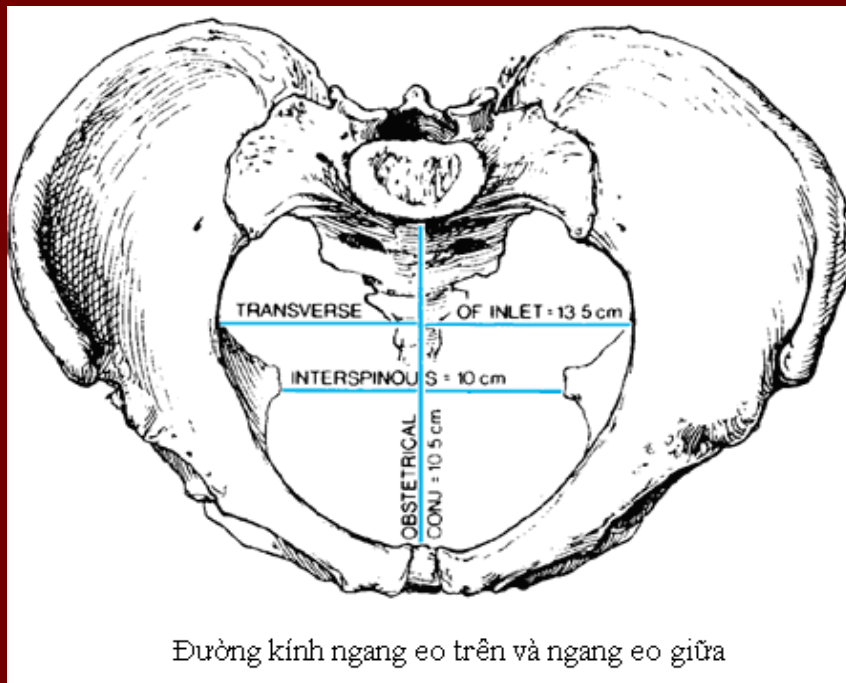
- Đường kính trước sau: khoảng cách ngắn nhất giữa mỏm nhô và khớp mu.
- Đường kính mỏm nhô – thượng vệt (không ngắn nhất): 11cm
- Đường kính mỏm nhô – hạ vệt (ngắn nhất): 10cm (10,5cm) = nhô \_ hạ vệt - 1,5 – 2cm.
- Đường kính mỏm nhô – hạ vệt: 12 cm
- Đường kính dọc sau eo trên: khoảng cách từ mỏm nhô – điểm cắt của đk nhô hạ vệt - đk ngang tối đa, bình thường 4cm

# Eo trên



- Đường kính ngang tối đa: là khoảng cách lớn nhất giữa 2 đường vô danh và vuông góc với đường kính trước sau: 13,5cm. Đường kính này ít có giá trị về phương diện sản khoa vì nó nằm gần với mỏm nhô.
- Đường kính ngang hữu dụng: đi ngang qua trung điểm của đường kính trước sau: 12,5cm.
- 2 đường kính chéo: đi từ khớp cùng chậu một bên đến gai mào chậu lược bên đối diện, trung bình nhỏ hơn 13cm (12,75cm)

# Eo giữa

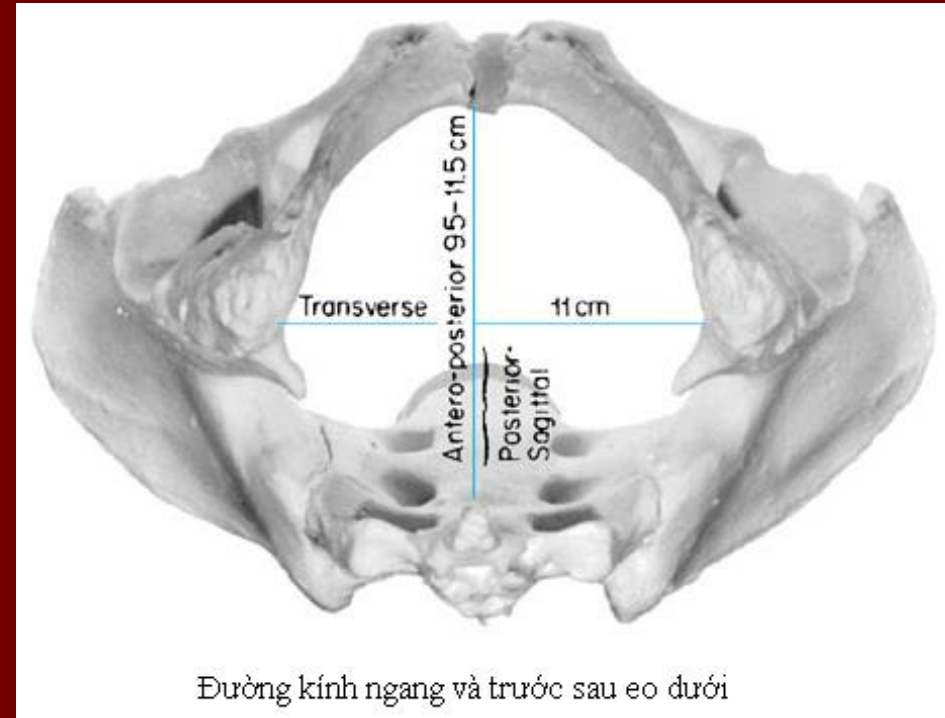


- Đường kính trước sau: 11,5cm
- Đường kính ngang (đk lưỡng gai): đk nhỏ nhất của khung chậu: 10cm (10,5cm)
- Đường kính dọc sau: khoảng cách giữa x. cùng giao điểm đk ngang – đk trước sau: 4,5cm.

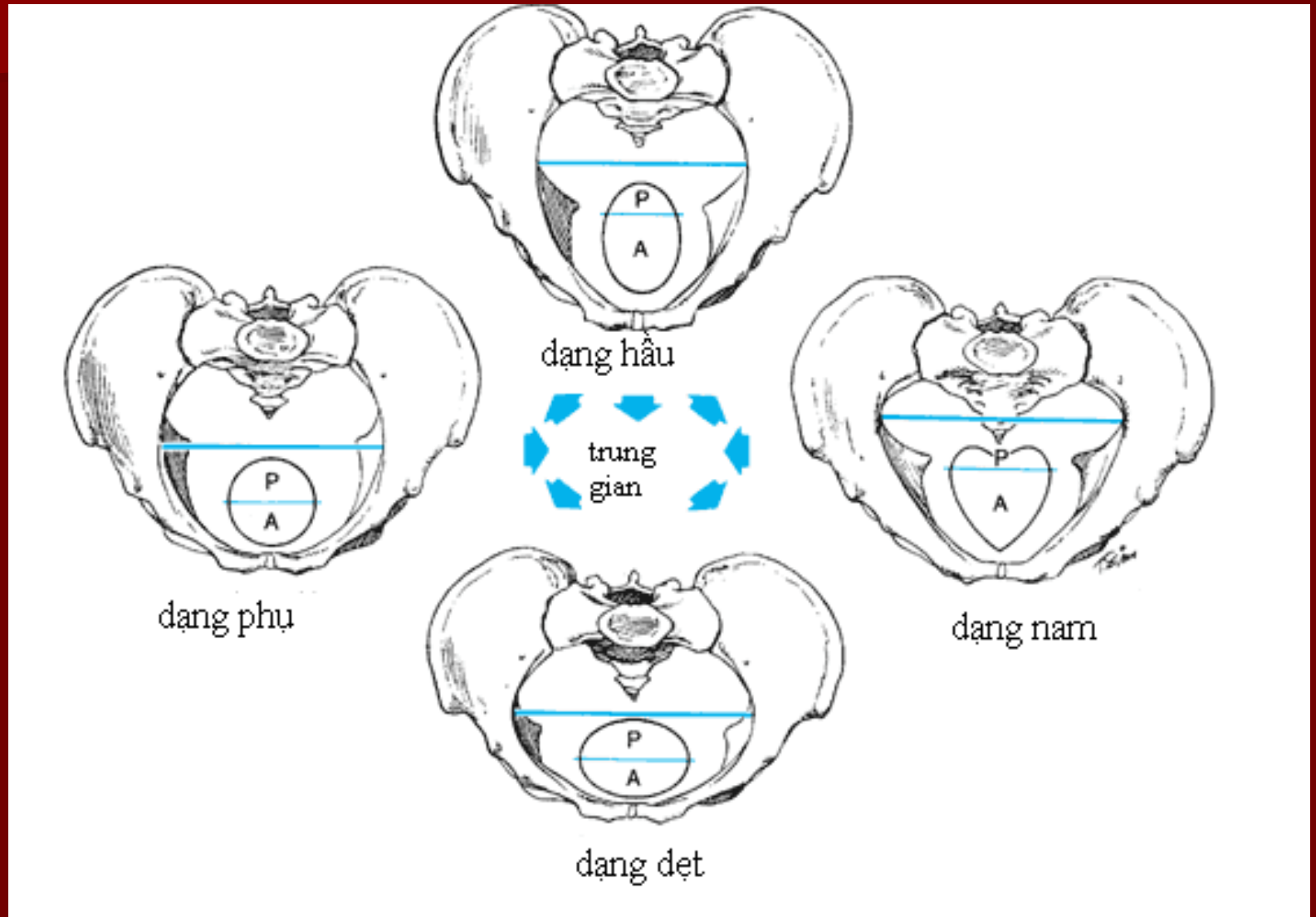


# Eo dưới

- 2 tam giác không cùng mặt phẳng, có chung đường lưỡng ụ ngôi.
- Trước sau: 9,5 – 11,5cm.
- Ngang: 11cm
- Dọc sau:

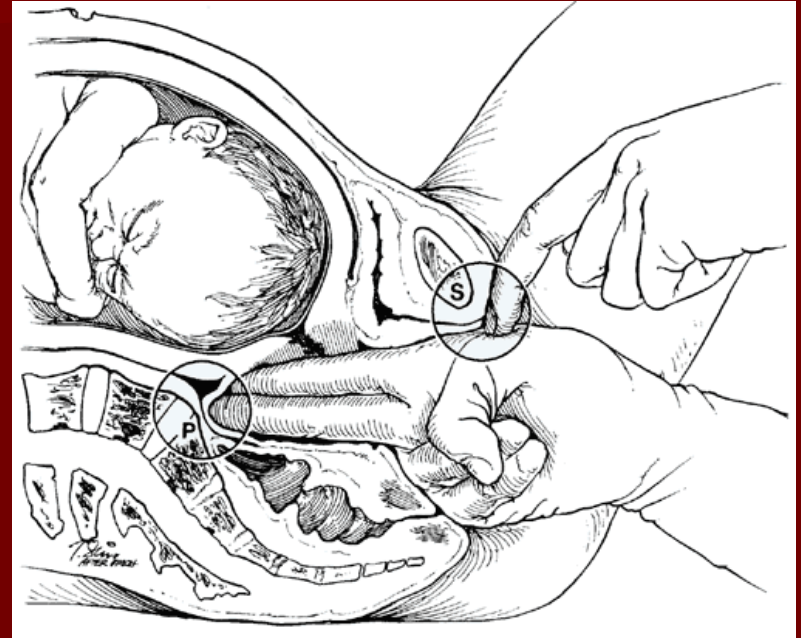


# Các dạng khung chậu



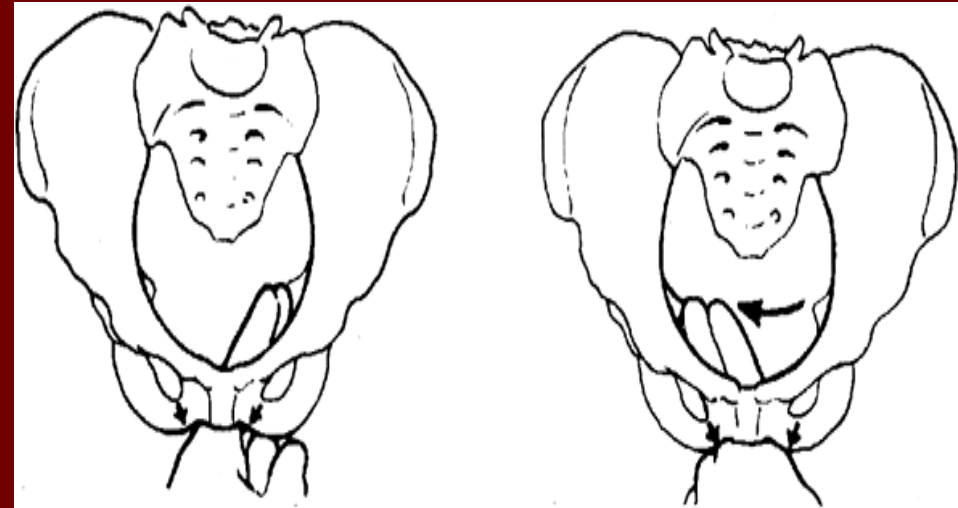
# Khám eo trên

- **Đường kính trước sau:** nhô – hạ vệt > 11,5cm được cho là eo trên có kích thước phù hợp với thai nhi có trọng lượng bình thường sanh qua ngã âm đạo.
- **Khám đường kính ngang:** khám đường vô danh, ở khung chậu bình thường chỉ có thể khám được 1/2

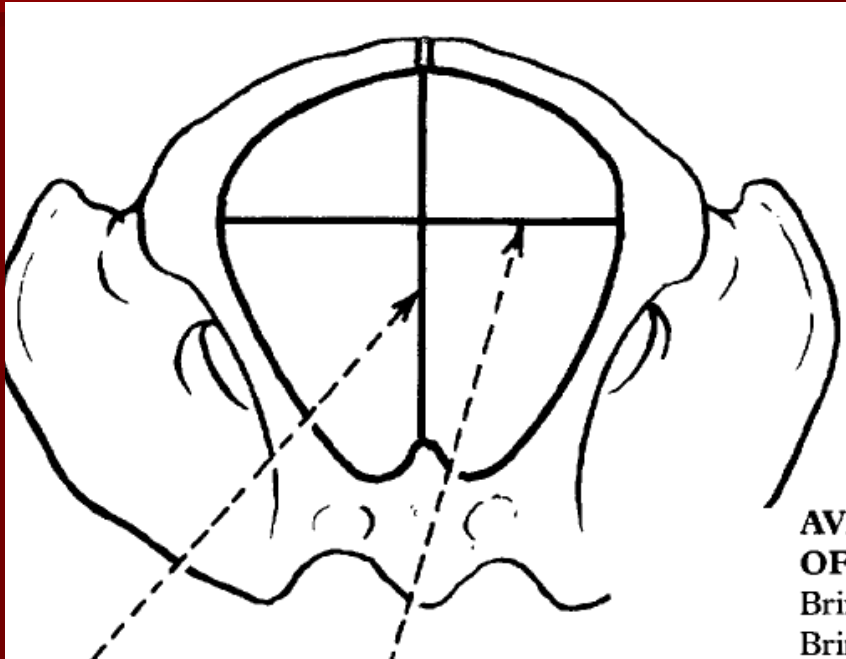


# Khám eo giữa

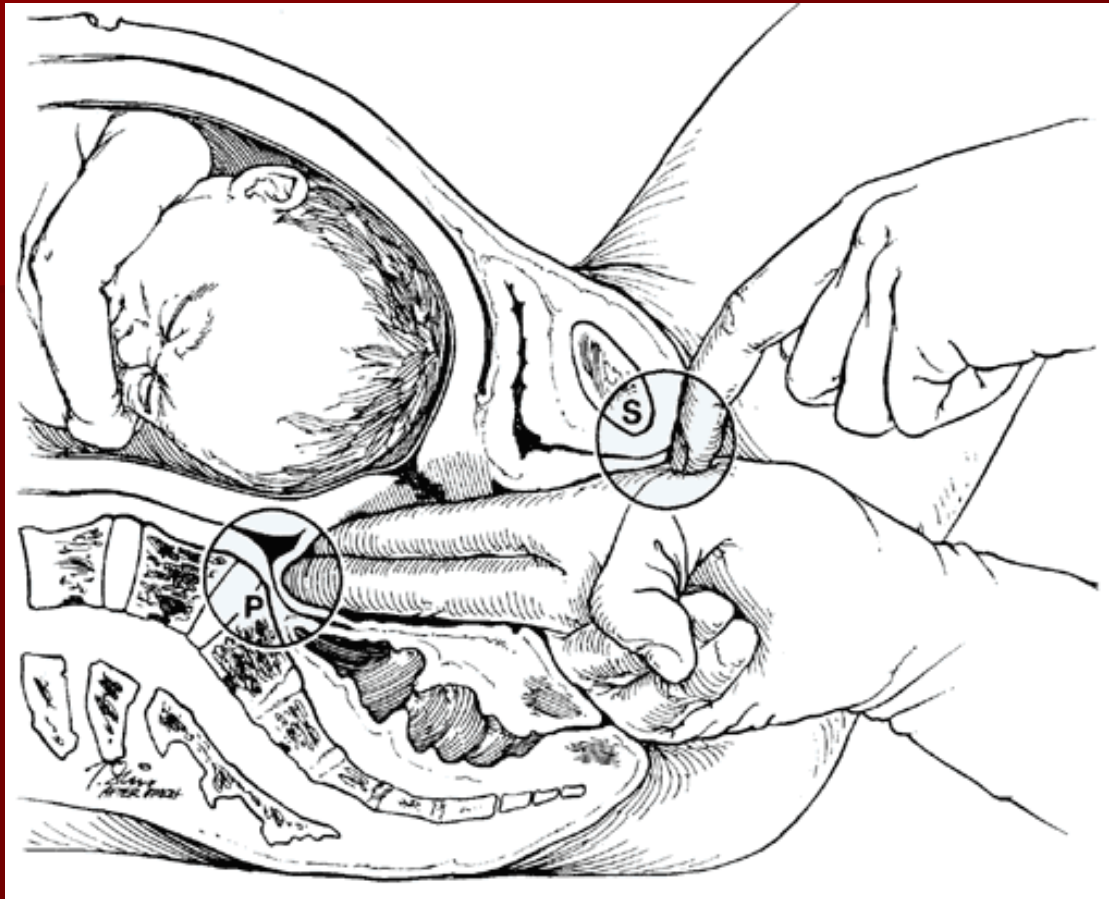
- Đường kính trước sau: độ cong của x. cùng.
- Đường kính ngang: qua khám 2 gai hông, nếu 2 gai hông nhô ra nhiều, vách chậu hội tụ có khả năng bất thường đường kính ngang eo giữa.



# Eo dưới



- Đường kính ngang: đo khoảng cách giữa 2 ụ ngòì
- Góc vòm vệt:  $>90^\circ$ , áp sát 2 ngón tay khám là bình thường.



# Đánh giá eo giữa:

- ***Đường kính trước sau:*** khám độ cong x. Còng.
- ***Đường kính ngang:*** qua khám 2 gai hông, đường kính lưỡng gai hông < 8 cm.

# Đánh giá eo dưới

- ***Đường kính ngang ( đường kính lưỡng ụ ngồi):*** bình thường  $> 8\text{cm}$ .
- **Đặt 1 nắm bàn tay tỳ vào TSM giữa 2 ụ ngồi, thường nắm tay  $> 8\text{cm}$ .**
- ***Hình dạng cung mu:*** bình thường  $> 85^\circ$ .



# Quang kích chậu:

- Thực hiện trong các ngôi bất thường gây sanh khó. Quang kích chậu nên thực hiện vào cuối thai kỳ.
- Khung chậu giới hạn:  
Eo trên: đường kính trước sau: 9,5 – 10 cm  
Eo giữa: đường kính ngang: 9 -9,5 cm  
đường kính ngang + đường kính dọc sau: 13 – 13,5 cm.